

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~54~~99/TTr-UBND

Bến Tre, ngày 29 tháng 11 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Về việc xin ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về
dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi
ngân sách địa phương năm 2018**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Sự cần thiết ban hành văn bản:

Để việc phân bổ nguồn lực ngân sách nhà nước tại địa phương thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ luật tài chính, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2018 là cần thiết.

2. Cơ sở pháp lý ban hành văn bản

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm.

3. Quá trình chuẩn bị

Dựa trên kết quả làm việc với Bộ Tài chính về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017 trung ương giao cho tỉnh Bến Tre; trên cơ sở đánh giá, phân tích tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2016, Sở Tài chính tham mưu dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2018. Nghị quyết được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét.

4. Nội dung của dự thảo Nghị quyết:

Điều 1. Thông qua dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2018, như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 3.700.000 triệu đồng (Ba nghìn bảy trăm tỷ đồng). Trong đó, thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là: 3.442.300 triệu đồng (Ba nghìn bốn trăm bốn mươi hai tỷ ba trăm triệu đồng).

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 8.933.277 triệu đồng (Tám nghìn chín trăm ba mươi ba tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Trong đó: thu bổ sung từ ngân

sách Trung ương: 5.490.977 triệu đồng (Năm nghìn bốn trăm chín mươi tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 8.938.477 triệu đồng (Tám nghìn chín trăm ba mươi tám tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Bao gồm:

a) Chi đầu tư phát triển: 1.714.880 triệu đồng (Một nghìn bảy trăm mười bốn tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng);

b) Chi thường xuyên: 5.180.587 triệu đồng (Năm nghìn một trăm tám mươi tỷ năm trăm tám mươi bảy triệu đồng);

c) Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay: 800 triệu đồng (Tám trăm triệu đồng);

d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương: 1.000 triệu đồng (Một tỷ đồng).

đ) Dự phòng ngân sách: 139.350 triệu đồng (Một trăm ba mươi chín tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng);

e) Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương: 34.050 triệu đồng (Ba mươi bốn tỷ không trăm năm mươi triệu đồng)

f) Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: 1.867.810 triệu đồng (Một nghìn tám trăm sáu mươi bảy tỷ tám trăm mười triệu đồng);

4. Bội chi ngân sách địa phương: 5.200 triệu đồng (Năm tỷ hai trăm triệu đồng).

5. Tổng số vay trong năm: 52.700 triệu đồng (Năm mươi hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

Điều 2. Số liệu dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018 tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị quyết này.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ban KT – NS HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Vp UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- N/c TCĐT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Trương Duy Hải

Số: /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày tháng 12 năm 2017

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Thực hiện Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Thực hiện Quyết định số /QĐ-BTC ngày tháng năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Báo cáo số 422 /BC-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ước thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2017; dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2018, như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 3.700.000 triệu đồng (Ba nghìn bảy trăm tỷ đồng). Trong đó, thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là: 3.442.300 triệu đồng (Ba nghìn bốn trăm bốn mươi hai tỷ ba trăm triệu đồng).

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 8.933.277 triệu đồng (Tám nghìn chín trăm ba mươi ba tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Trong đó: thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 5.490.977 triệu đồng (Năm nghìn bốn trăm chín mươi tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 8.938.477 triệu đồng (Tám nghìn chín trăm ba mươi tám tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Bao gồm:

a) Chi đầu tư phát triển: 1.714.880 triệu đồng (Một nghìn bảy trăm mười bốn tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng);

b) Chi thường xuyên: 5.180.587 triệu đồng (Năm nghìn một trăm tám mươi tỷ năm trăm tám mươi bảy triệu đồng);

c) Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay: 800 triệu đồng (Tám trăm triệu đồng);

d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương: 1.000 triệu đồng (Một tỷ đồng).

đ) Dự phòng ngân sách: 139.350 triệu đồng (Một trăm ba mươi chín tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng);

e) Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương: 34.050 triệu đồng (Ba mươi bốn tỷ không trăm năm mươi triệu đồng)

f) Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: 1.867.810 triệu đồng (Một nghìn tám trăm sáu mươi bảy tỷ tám trăm mười triệu đồng);

4. Bội chi ngân sách địa phương: 5.200 triệu đồng (Năm tỷ hai trăm triệu đồng).

5. Tổng số vay trong năm: 52.700 triệu đồng (Năm mươi hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

Điều 2. Số liệu dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018 tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả dự toán ngân sách tỉnh năm 2018.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre Khoá IX- Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; KBNN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Đồng khởi;
- Trung tâm Thông tin điện tử;
- Phòng TH – VP HĐND tỉnh (07b);
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

Võ Thành Hạo

PHỤ LỤC I
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	
		Trung ương giao	HĐND giao
A	B	1	2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	8.835.177	8.933.277
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	3.344.200	3.442.300
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.731.860	1.780.860
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.612.340	1.661.440
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.490.977	5.490.977
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.605.852	3.605.852
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.885.125	1.885.125
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-
IV	Thu kết dư	-	-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	-
B	TỔNG CHI NSDP	8.840.377	8.938.477
I	Tổng chi cân đối NSDP	6.972.567	7.070.667
1	Chi đầu tư phát triển	1.684.880	1.714.880
2	Chi thường xuyên	5.146.537	5.180.587
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	800	800
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000
5	Dự phòng ngân sách	139.350	139.350
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	34.050
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.867.810	1.867.810
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	230.446	230.446
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.637.364	1.637.364
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	-
C	BỘI CHI NSDP	5.200	5.200
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	47.500	47.500
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	47.500	47.500
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	-	-
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	52.700	52.700
I	Vay để bù đắp bội chi	5.200	5.200
II	Vay để trả nợ gốc	47.500	47.500

CHỦ TỊCH

Võ Thành Hạo

PHỤ LỤC II

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trung ương giao		HĐND giao	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4
	TỔNG THU NSNN	3.599.900	3.344.200	3.700.000	3.442.300
I	Thu nội địa	3.599.900	3.344.200	3.700.000	3.442.300
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	205.000	205.000	205.000	205.000
	- Thuế giá trị gia tăng	136.500	136.500	136.500	136.500
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.500	5.500	5.500	5.500
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	63.000	63.000	63.000	63.000
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	120.000	120.000	120.230	120.230
	- Thuế giá trị gia tăng	64.700	64.700	64.930	64.930
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.000	53.000	53.000	53.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	300	300	300	300
	- Thuế tài nguyên	2.000	2.000	2.000	2.000
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	115.000	115.000	117.830	117.830
	- Thuế giá trị gia tăng	31.850	31.850	33.680	33.680
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	83.000	83.000	84.000	84.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	110	110	110	110
	- Thuế tài nguyên	40	40	40	40
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	717.900	717.900	751.100	751.100
	- Thuế giá trị gia tăng	488.900	488.900	495.840	495.840
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	152.000	152.000	154.200	154.200
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	76.000	76.000	100.000	100.000
	- Thuế tài nguyên	1.000	1.000	1.060	1.060
5	Thuế thu nhập cá nhân	360.000	360.000	369.900	369.900
6	Thuế bảo vệ môi trường	262.000	97.480	265.000	100.480
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	97.480	97.480	100.480	100.480
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	164.520	-	164.520	-
7	Lệ phí trước bạ	160.000	160.000	166.200	166.200
8	Thu phí, lệ phí	85.000	63.000	88.500	64.500
-	Phí và lệ phí trung ương	22.000	-	24.000	-
-	Phí và lệ phí địa phương	63.000	63.000	64.500	64.500
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.000	1.000	1.000	1.000
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.500	6.500	7.330	7.330
11	Tiền cho thuê đất, thuế mặt nước	100.000	100.000	105.000	105.000
12	Thu tiền sử dụng đất	80.000	80.000	110.000	110.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc SHNN	-	-	-	-
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-

STT	Nội dung	Trung ương giao		HĐND giao	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4
16	Thu khác ngân sách	149.000	79.820	153.800	84.620
	<i>Trong đó: Thu khác ngân sách trung ương</i>	<i>69.180</i>	<i>-</i>	<i>69.180</i>	<i>-</i>
17	Thu cố định tại xã	28.000	28.000	28.610	28.610
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức,	10.500	10.500	10.500	10.500
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	-	-	-	-
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	-
II	Thu từ dầu thô	-	-	-	-
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
IV	Thu viện trợ	-	-	-	-

CHỦ TỊCH

Võ Thành Hạo

PHỤ LỤC III

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	
		Trung ương giao	HĐND giao
A	B	1	2
	TỔNG CHI NSDP	8.840.377	8.938.477
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	6.972.567	7.070.667
I	Chi đầu tư phát triển	1.684.880	1.714.880
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.679.680	1.707.680
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	426.703	426.703
-	Chi khoa học và công nghệ	10.000	10.000
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	80.000	110.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.200.000	1.200.000
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-	2.000
3	Chi từ bội chi	5.200	5.200
II	Chi thường xuyên	5.146.537	5.180.587
	<i>Trong đó:</i>		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.408.215	2.408.215
-	Chi khoa học và công nghệ	19.639	19.639
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	800	800
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000
V	Dự phòng ngân sách	139.350	139.350
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	34.050
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.867.810	1.867.810
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	230.446	230.446
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	183.200	183.200
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	47.246	47.246
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.637.364	1.637.364
1	Bổ sung mục tiêu chi đầu tư phát triển	1.304.081	1.304.081
2	Bổ sung mục tiêu chi thường xuyên	333.283	333.283
2.1	Vốn ngoài nước	21.500	21.500
2.2	Chính sách trợ giúp pháp lý theo QĐ 32/2016/QĐ-TTg	295	295
2.3	Hỗ trợ các Hội văn học nghệ thuật và Hội nhà báo địa phương; mua thiết bị chiếu phim và ô tô chuyên dụng	615	615

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	
		Trung ương giao	HĐND giao
A	B	1	2
2.4	Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí	29.515	29.515
2.5	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	10.698	10.698
2.6	Hỗ trợ kinh phí ăn trưa trẻ 3-5 tuổi; Chính sách ưu tiên học sinh mẫu giáo học sinh dân tộc ít người	242	242
2.7	Hỗ trợ kinh phí đào tạo cán bộ quân sự cấp xã	1.340	1.340
2.8	Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT người nghèo, người sống ở vùng kinh tế xã hội ĐBK, người dân tộc thiểu số sống ở vùng KT-XH khó khăn	89.925	89.925
2.9	Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	9.126	9.126
2.10	Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng (cựu chiến binh, TNXP, BTXH, HSSV, hộ cận nghèo, hộ nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình, người hiến bộ phận cơ thể người)	22.222	22.222
2.11	Hỗ trợ thực hiện các chính sách đối với đối tượng BTXH; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, trợ giá trực tiếp cho người dân tộc thiểu số nghèo ở vùng khó khăn; hỗ trợ chính sách đối với người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số; hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số	100.674	100.674
2.12	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông	26.088	26.088
2.13	Dự án hoàn thiện, hiện đại hoá hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính	500	500
2.14	Bổ sung thực hiện một số chương trình mục tiêu	20.543	20.543
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	-

CHỦ TỊCH

Võ Thành Hạo

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 747 /BC-HĐND

Bến Tre, ngày 29 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO THẨM TRA

Dự thảo Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2018

Qua xem xét nội dung Tờ trình số 5499/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc xin ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2018.

Ban Kinh tế và Ngân sách tiến hành thảo luận và thống nhất ý kiến thẩm tra như sau:

1. Thống nhất cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành văn bản.
2. Nội dung dự thảo Nghị quyết đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ¹.
3. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu hoặc giải trình ý kiến góp ý của Sở Tư pháp tại văn bản số 1611/STP-XDVB ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung các biểu mẫu đính kèm theo quy định.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- ĐB HĐND tỉnh;
- Đại biểu khách mời;
- Lưu: VT. *vt*

TM. BAN KT VÀ NS HĐND TỈNH



Nguyễn Văn Quới

¹ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm.